

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của các nhóm chứng khoán, ngân hàng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

MSN, VIC

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục, ưu tiên quản trị rủi ro danh mục và chỉ trải lệnh mở mua với tỷ trọng nhỏ quanh các ngưỡng hỗ trợ xa.

05/04/2024

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,255.11 | -1.04 |
| VN30 | 1,257.78 | -0.78 |
| HĐTL VN30F1M | 1,252.10 | -1.02 |
| HNXIndex | 239.68 | -1.14 |
| HNX30 | 530.46 | -1.61 |
| UPCoM | 90.65 | -0.40 |
| USD/VND | 24,970 | +0.10 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.78 | -3 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 2.94 | -33 |
| Dầu (WTI, \$) | 86.52 | -0.08 |
| Vàng (LME, \$) | 2,287.84 | -0.14 |



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,255.11 (-1.04%)
KLGD (triệu CP) 1,034.8 (+20.9%)
GTGD (triệu US\$) 1,008.9 (+5.5%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của các nhóm chứng khoán, ngân hàng với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng 25.98 tỷ đồng, tập trung tại NVL (+4.57%), MWG (+0.59%), VHM (-0.12%).

HNXIndex 239.68 (-1.14%)
KLGD (triệu CP) 127.5 (+28.4%)
GTGD (triệu US\$) 106.4 (+20.1%)

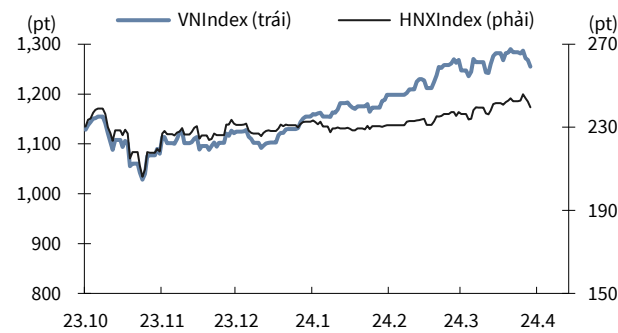
Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo, giá cao su giao kỳ hạn tháng 5/2024 giảm 0.74% xuống mức 334.5 yên/kg tại thời điểm khảo sát vào lúc 6h30 (giờ Việt Nam). Cổ phiếu nhóm Cao su giảm giá ở DRC (-6.89%), GVR (-4.83%).

UPCoM 90.65 (-0.40%)
KLGD (triệu CP) 80.0 (+65.7%)
GTGD (triệu US\$) 36.3 (+82.9%)

Ghi nhận tại chợ An Giang, giá gạo Sóc thường điều chỉnh giảm 500 đồng/kg, hiện được thu mua ở mức giá 15,500 - 16,500 đồng/kg. Cổ phiếu nhóm Lúa gạo giảm giá ở LTG (-1.18%), PAN (-2.85%).

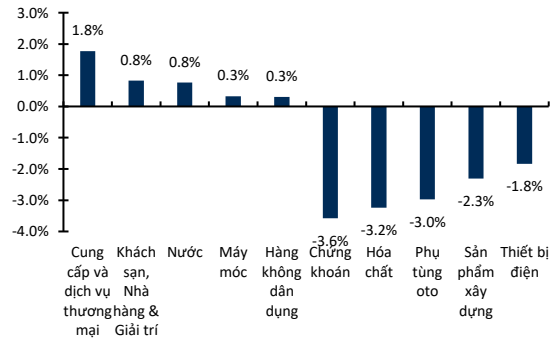
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +0.3

VNIndex & HNXIndex



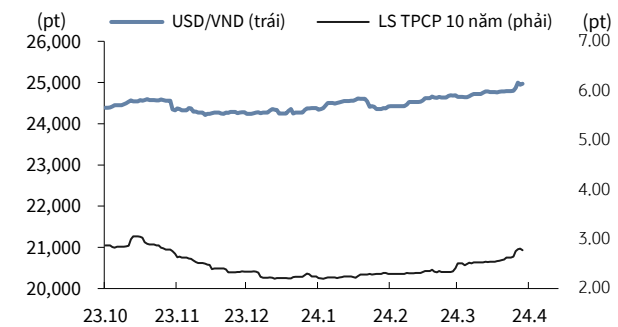
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



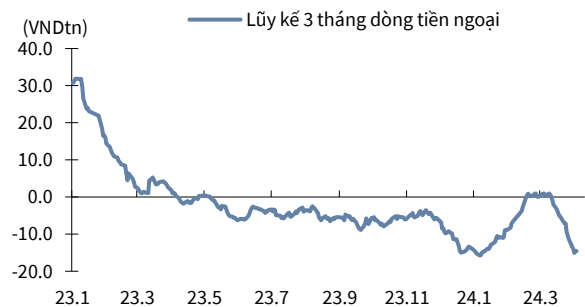
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

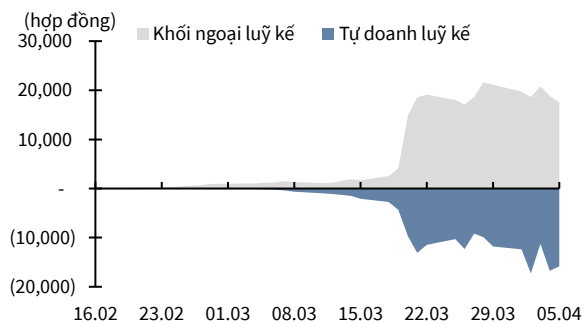
| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,257.78 (-0.78%) |
| VN30F1M | 1,252.1 (-1.02%) |
| Mở cửa | 1,254.0 |
| Cao nhất | 1,265.0 |
| Thấp nhất | 1,251.2 |

Các HĐTL giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2404 và VN30 mở cửa tại -14.15 điểm, sau đó biến động quanh mức -0.9 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -5.6 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

KLGD (HĐ) **230,220 (-12.1%)**

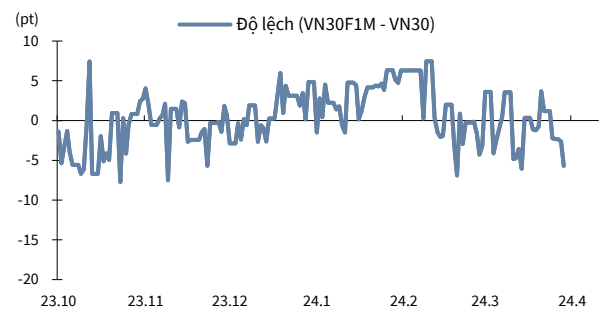
Khối ngoại bán ròng 1,250 HĐTL VN30F2404 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 17,565 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 925 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 15,824 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



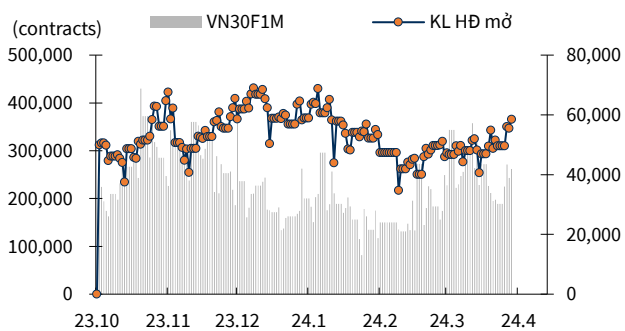
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



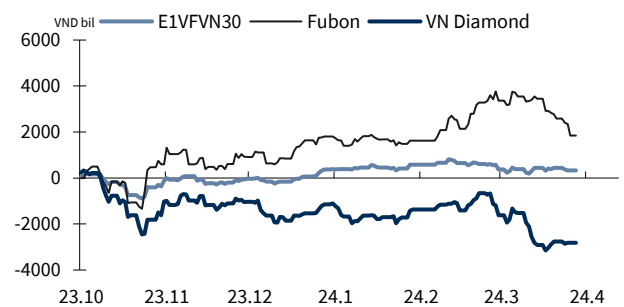
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

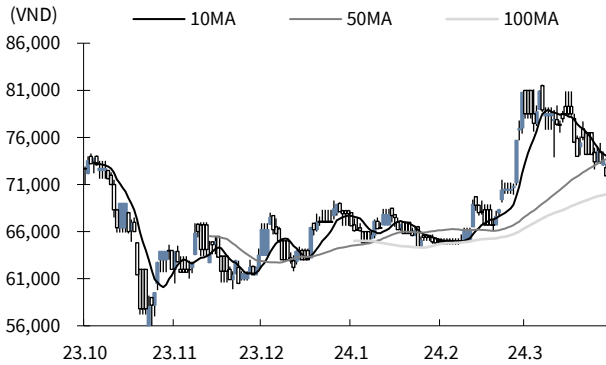
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Masan (MSN)

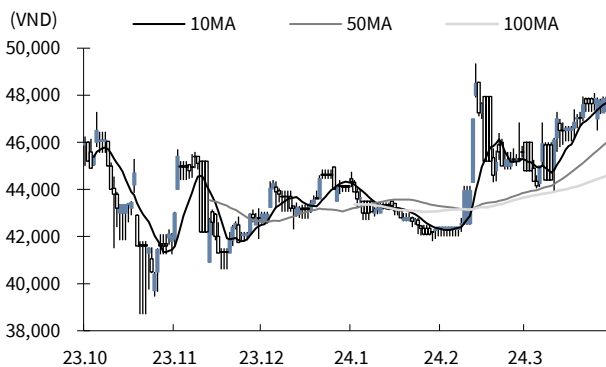


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSN giảm 2.04% xuống 71,900 VND/cp

- Theo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên của CTCP Tập đoàn Masan (MSN), năm nay tập đoàn lên kế hoạch doanh thu 84,000 – 90,000 tỷ đồng, tăng 7.3% - 15% so với năm ngoái. Mục tiêu lợi nhuận sau thuế 2,250 – 4,020 tỷ đồng, tăng 31% - 115% so với cùng kỳ. Về phương án chia cổ tức năm 2023 và 2024, tập đoàn đều đề xuất không chia cổ tức. Tại buổi họp tối, tập đoàn sẽ trình phương án chào bán cổ phần là cổ phần phổ thông và/hoặc cổ phần ưu đãi cổ tức với tổng số lượng phát hành dự kiến tối đa 10% tổng số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm chào bán.

Tập đoàn Vingroup (VIC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC giảm 0.1% về 47,800 VND/cp

- Theo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, Tập đoàn Vingroup (VIC) công bố kế hoạch doanh thu kỷ lục 200,000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 4,500 tỷ đồng. Các con số này tăng 24% và 119% so với kết quả năm 2023. Vingroup cho biết sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh nhằm củng cố ba trụ cột chính: Công nghệ - Công nghiệp, Thương mại Dịch vụ, Thiện nguyện Xã hội. Tập đoàn sẽ duy trì mô hình P&L (báo cáo lãi lỗ) tại các công ty con.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, VNIndex hồi phục nhẹ sau đó tiếp tục lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Chỉ số đóng cửa ở mức thấp nhất phiên và tiếp tục đi kèm tín hiệu bulltrap, cho thấy thị trường vẫn chưa thoát khỏi trạng thái tiêu cực và rủi ro xuất hiện thêm những phiên phân phối vẫn còn hiện hữu. Nhiều khả năng chỉ số tiếp tục chịu quán tính giảm điểm trong những phiên tới, trước khi có thể cho phản ứng hồi phục rõ nét hơn quanh vùng hỗ trợ gần tại 1250 (+5) và xa hơn tại 1220 (+10)
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục, ưu tiên quản trị rủi ro danh mục và chỉ trải lệnh mở mua với tỷ trọng nhỏ quanh các ngưỡng hỗ trợ xa.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1283 - 1286

Kháng cự gần: 1273- 1276

Hỗ trợ gần: 1239 - 1243

Hỗ trợ xa: 1227 - 1231

— Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, F1 hồi phục nhẹ sau đó tiếp tục lao dốc mạnh về cuối phiên.

— Chỉ số đóng cửa ở mức thấp nhất phiên và tiếp tục đi kèm tín hiệu bulltrap, cho thấy thị trường vẫn chưa thoát khỏi trạng thái tiêu cực và rủi ro xuất hiện thêm những phiên phân phối vẫn còn hiện hữu. Nhiều khả năng chỉ số tiếp tục chịu quán tính giảm điểm trong những phiên tới, trước khi có thể cho phản ứng hồi phục rõ nét hơn quanh vùng hỗ trợ gần tại 1250 (+-5) và xa hơn tại 1220 (+-10)

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở Short quanh kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời từng phần các vị thế Short quanh các ngưỡng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

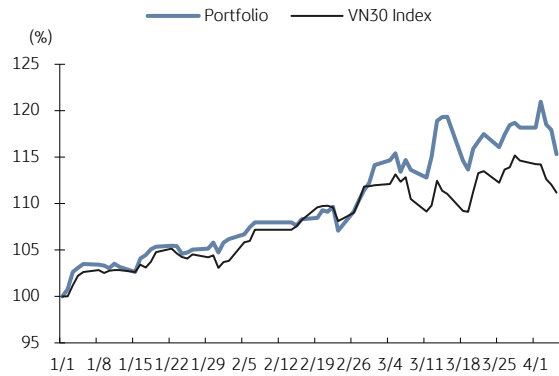
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | -0.78% | -2.22% |
| Tăng lũy kế (YTD) | 11.16% | 15.31% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 05/04/2024 | Daily return (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|----------------------------|------------------|-------------------------|------------------|----------------------|--|
| SSI (SSI) | 01/11/2023 | 36,800 | -2.3% | 42.9% | - Hướng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động |
| PC1 Group (PC1) | 01/04/2024 | 27,700 | -1.8% | -2.6% | - Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp |
| Vietcombank (VCB) | 01/03/2024 | 94,900 | -1.1% | -3.4% | - Tín dụng tăng tương bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc |
| Vietnam Rubber Group (GVR) | 01/04/2024 | 31,500 | -4.8% | -5.0% | - Mảng cao su tự nhiên của GVR dự kiến ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể nhờ sự phục hồi đến từ cả giá và sản lượng - Nam Tân Uyên 3 và Hiệp Thạnh 1 dự kiến bắt đầu cho thuê lần lượt trong năm nay và năm sau |
| PV Drilling (PVD) | 01/02/2024 | 32,900 | -1.9% | 19.0% | - Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024 |
| PV Services (PVS) | 01/04/2024 | 42,200 | -1.6% | 7.4% | - Mảng M&C và O&M được hưởng lợi nhờ tăng trưởng dài hạn của ngành dầu khí Việt Nam - Tiềm năng ghi nhận thêm backlog từ các dự án điện gió ngoài khơi mới - Tiềm năng trúng các gói thầu FSO/FPSO cho các dự án nội địa sắp tới |
| Vinamilk (VNM) | 01/04/2024 | 67,900 | -0.4% | 0.4% | - Thị phần nội địa dự báo tiếp tục duy trì sau khi thay đổi bộ nhận diện - Biên lợi nhuận tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2024 - Thị trường nước ngoài diễn biến tích cực, tiếp đà tăng trưởng trong năm 2024 |
| Viettelpost (VTP) | 01/04/2024 | 79,300 | -6.8% | -9.7% | - Tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ và mở rộng mạng lưới trong và ngoài nước - Thị phần kỳ vọng tăng lên 20% nhờ chất lượng dịch vụ cải thiện và thu hút được các đối tác lớn |
| Dat Xanh Group (DXG) | 01/04/2024 | 19,900 | -0.7% | 1.0% | - Dự kiến mở bán hai dự án Gem Sky World và Gem Riverside trong Quý 2,3/2024 - Bàn giao tại dự án Opal Skyline và Gem Skyworld hỗ trợ lợi nhuận 2024 |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 01/03/2024 | 96,900 | -0.6% | 7.2% | - Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của vàng trang sức - Mở rộng mạng lưới cửa hàng đồng thời cải thiện doanh thu trên cửa hàng, tìm kiếm tệp khách hàng mới |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| NVL | 4.6% | 3.8% | 223.6 |
| MWG | 0.6% | 45.0% | 120.6 |
| CTG | -1.0% | 27.4% | 64.2 |
| SBT | 1.2% | 12.1% | 56.3 |
| VNM | -0.4% | 51.2% | 46.6 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|----------|--------------|-----------------------|-------------------|
| VHM | -0.1% | 21.1% | -228.2 |
| PVD | -1.9% | 20.2% | -111.2 |
| FUESSVFL | -1.4% | 89.3% | -105.9 |
| DIG | -0.6% | 6.3% | -43.4 |
| HCM | -3.8% | 29.8% | -42.7 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| IDC | 0.0% | 21.1% | 16.1 |
| DTD | -2.4% | 4.8% | 3.9 |
| BVS | -2.4% | 6.2% | 3.5 |
| HUT | -1.1% | 1.8% | 3.1 |
| LAS | -1.8% | 1.1% | 1.4 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| SHS | -2.9% | 9.9% | -15.9 |
| PVS | -1.6% | 17.9% | -12.4 |
| CEO | -2.1% | 5.0% | -9.1 |
| IVS | 4.6% | 69.4% | -8.3 |
| MBS | -3.7% | 0.5% | -3.7 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|--|--------------|--------------------|
| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | | |
| Máy móc | 4.2% | TCH, HHS, SRF, SHA |
| Hàng hải | 2.0% | VSC, VOS, SKG, VTO |
| Tiện ích khí | 0.9% | GAS, PGD, PMG |
| Cung cấp và dịch vụ thương mại | 0.7% | TLG, ILB, APC, ST8 |
| Hàng không dân dụng | 0.5% | VJC, HVN |
| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | | |
| Đồ gia dụng | -5.6% | TTF, GDT, EVE, SAV |
| Chứng khoán | -5.0% | SSI, VND, HCM, VCI |
| Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế | -3.8% | TNH, JVC, VMD |
| Hóa chất | -3.6% | GVR, DGC, DPM, DCM |
| Xây dựng và kỹ thuật | -3.4% | DIG, HDG, VCG, PC1 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|--|--------------|--------------------|
| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | | |
| Máy móc | 19.9% | TCH, HHS, SRF, SHA |
| Xây dựng và kỹ thuật | 11.4% | DIG, HDG, VCG, PC1 |
| Bán lẻ hàng chuyên dụng | 6.0% | MWG, FRT, CTF, HAX |
| Bao bì & đóng gói | 5.9% | TDP, SVI, MCP, TPC |
| Cung cấp và dịch vụ thương mại | 5.9% | TLG, ILB, APC, ST8 |
| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | | |
| Thương mại & phân phối | -5.6% | VPG, TSC, BTT, TNA |
| Tiện ích điện | -5.5% | PGV, NT2, PPC, TTA |
| Kim loại & khai thác | -4.2% | HPG, HSG, NKG, KSB |
| Đồ uống | -3.5% | SAB, BHN, SMB, SCD |
| Giấy & lâm sản | -2.4% | DHC, HAP, HHP, VID |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn) | GTGD (VND triệu, USD mn) | Room còn lại (%, -1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|-----|------------------|---------|--|-----------------------------|--------------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 203,737 (8.2) | 22.5 | 1,274.7 | 51.8 | 14.7 | 0.0 | 3.0 | 1.6 | 1.5 | -0.1 | 0.3 | 5.5 | 7.2 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 418,136 (16.9) | 26.6 | 5.6 | 5.0 | 35.9 | 16.9 | 15.5 | 0.9 | 0.8 | -0.1 | 0.2 | -1.6 | -0.6 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 281,067 (11.4) | 17.8 | 13.7 | 12.0 | -7.6 | 10.7 | 10.7 | 1.3 | 1.2 | -2.4 | -4.4 | -7.5 | 6.0 |
| | NVL | NOVALAND INVESTM | 45,853 | 86,712 (3,768) | 643,434 (25.9) | 31.3 | - | - | 6.7 | -3.7 | -6.4 | 1.0 | 1.0 | 4.6 | 6.1 | 6.4 | 7.3 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 25,770 | 19,167 (833) | 163,505 (6.6) | 11.6 | 30.5 | 25.6 | 13.7 | 6.8 | 8.4 | 1.9 | 1.9 | -2.3 | -3.4 | 1.4 | 16.2 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 20,008 | 12,594 (547) | 392,199 (15.8) | 13.9 | 46.7 | 29.4 | - | 2.9 | 4.4 | 1.3 | 1.3 | -0.7 | 0.3 | 7.3 | 2.8 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 67,686 | 378,305 (16,441) | 147,959 (6.0) | 6.3 | 15.2 | 13.2 | 11.7 | 19.9 | 18.9 | 2.6 | 2.1 | -1.1 | 0.0 | -0.6 | 18.2 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 30,621 | 174,556 (7,586) | 90,738 (3.7) | 12.7 | 13.3 | 10.9 | -5.3 | 18.9 | 18.5 | 2.0 | 1.7 | -1.6 | -3.6 | -7.7 | 15.7 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 488,970 (19.7) | 0.0 | 7.3 | 5.8 | 14.3 | 16.1 | 17.0 | 1.1 | 0.9 | -1.7 | -4.9 | 7.1 | 42.1 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 25,516 | 137,021 (5,955) | 305,068 (12.3) | 1.4 | 8.6 | 6.7 | 50.3 | 17.2 | 18.6 | 1.2 | 1.0 | -1.0 | -6.6 | -8.9 | 22.5 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 15,296 | 101,381 (4,406) | 311,912 (12.6) | 0.0 | 11.0 | 8.2 | 18.8 | 10.4 | 12.8 | 1.1 | 1.0 | 0.8 | -1.5 | -1.5 | 1.3 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 14,063 | 73,327 (3,187) | 591,442 (23.9) | 0.0 | 5.4 | 4.5 | 14.6 | 21.3 | 20.1 | 1.1 | 1.0 | -1.9 | -8.1 | -5.1 | 25.2 |
| | HDB | HDBANK | 14,191 | 40,641 (1,766) | 150,254 (6.1) | 4.2 | 5.7 | 4.8 | 23.3 | 22.6 | 21.8 | 1.2 | 1.0 | 0.0 | -3.1 | -0.6 | 15.0 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 812,212 (32.8) | 14.0 | 5.9 | 4.0 | 26.5 | 20.0 | 23.5 | 1.0 | 0.8 | -0.3 | -6.3 | -7.2 | 5.9 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 14,821 | 28,732 (1,249) | 200,422 (8.1) | 0.0 | 6.8 | 5.3 | 37.4 | 16.2 | 18.0 | 1.1 | 1.0 | -1.1 | -4.7 | -6.2 | 4.6 |
| | EIB | VIETNAM EXPORT-I | 13,065 | 22,745 (988) | 274,481 (11.1) | 0.2 | - | - | 27.3 | - | - | - | - | -0.6 | -3.3 | -2.7 | -3.0 |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 26,323 (1.1) | 21.0 | 17.7 | 15.2 | 15.8 | 8.1 | 8.9 | 1.4 | 1.3 | -1.0 | -2.5 | -3.7 | 5.6 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 20,227 | 2,439 (106) | 4,747 (0.2) | 14.2 | - | - | 9.1 | - | - | - | - | -1.6 | -3.0 | 1.7 | 11.7 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 20,676 | 19,947 (867) | 1,021,337 (41.2) | 55.4 | 21.7 | 17.8 | -3.2 | 11.6 | 12.4 | - | - | -2.3 | -4.4 | -1.6 | 12.2 |
| | VCI | VIETCAP | 21,154 | 9,108 (396) | 470,025 (19.0) | 71.9 | 30.6 | 22.7 | -4.0 | 13.4 | 14.2 | 3.3 | 3.2 | -4.4 | -7.6 | 4.0 | 16.3 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 15,467 | 8,907 (387) | 269,926 (10.9) | 52.4 | - | - | -19.0 | 10.2 | - | - | - | -3.8 | -4.4 | -2.8 | 18.7 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 6,983 | 5,734 (249) | 924,723 (37.4) | 27.2 | 19.0 | 14.3 | 36.3 | 10.7 | 11.8 | 1.7 | 1.6 | -2.0 | -3.9 | -6.2 | -0.9 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 330,623 (13.4) | 42.1 | 16.9 | 14.7 | 4.0 | 28.9 | 30.0 | 4.7 | 4.8 | -0.4 | 0.4 | -7.0 | 0.4 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 96,250 | 123,447 (5,365) | 79,447 (3.2) | 36.9 | 17.0 | 16.0 | 7.3 | 17.2 | 17.4 | 2.7 | 2.6 | -0.7 | -1.1 | -4.8 | -11.0 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 79,250 | 111,712 (4,855) | 480,686 (19.4) | 16.5 | 52.8 | 28.6 | -51.9 | 7.2 | 10.9 | 3.5 | 3.8 | -2.0 | -3.1 | -5.0 | 7.3 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 12,087 (0.5) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | 0.5 | -1.9 | -2.4 | -12.3 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 69,160 (2.8) | 11.0 | 32.2 | 18.8 | -88.5 | 12.5 | 17.6 | - | - | -0.3 | -1.1 | -2.4 | -5.6 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 132,997 (5.4) | 10.8 | 22.9 | 19.1 | -57.0 | 13.2 | 14.6 | 2.6 | 2.4 | -2.3 | -2.1 | -2.5 | 10.6 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 219,868 (8.9) | 38.4 | - | - | 65.7 | - | - | - | - | -1.3 | -3.1 | -5.1 | 7.2 |
| Công nghiệp (Tư bản) | CTR | VIETTEL CONSTRUC | 55,596 | 6,360 (276) | 65,662 (2.7) | 48.0 | 27.7 | 22.4 | 26.2 | 28.0 | 28.9 | 6.4 | 5.4 | -1.0 | -4.4 | 27.1 | 44.0 |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 15,802 | 10,411 (452) | 609,310 (24.6) | 37.7 | 33.7 | 16.6 | -14.4 | 7.9 | 6.7 | - | - | -3.1 | -5.8 | -0.2 | -0.6 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 54,900 | 5,438 (236) | 160,316 (6.5) | 3.6 | 23.0 | 15.5 | -52.4 | 3.1 | 4.6 | 0.7 | 0.7 | 0.0 | -3.6 | -3.4 | 2.3 |
| | REE | REE | 45,066 | 18,419 (800) | 65,129 (2.6) | 0.0 | 10.3 | 9.3 | -4.5 | 12.4 | 13.9 | 1.3 | 1.2 | -0.5 | -1.9 | -1.1 | 10.2 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn) | GTGD (VND triệu, USDmn) | Room còn lại (%, -1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|---------------------------------------|----------------------------|--------------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|-------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 75,083 | 172,447 (7,494) | 115,816 (4.7) | 46.1 | 16.9 | 15.9 | -17.5 | 16.3 | 16.4 | 2.5 | 2.4 | -0.7 | 0.9 | 2.4 | 7.2 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 29,290 (1.2) | 31.4 | - | 23.8 | -10.5 | 6.0 | 9.0 | 1.8 | 1.8 | -2.3 | -7.2 | -12.9 | -5.9 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 1,912 (0.1) | 34.1 | 6.3 | 5.7 | -5.1 | 16.4 | 17.5 | - | - | 0.0 | 0.7 | -0.7 | -6.8 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 24,986 | 145,287 (6,314) | 818,704 (33.1) | 18.0 | 13.4 | 9.7 | 21.9 | 11.5 | 14.6 | 1.5 | 1.3 | -0.5 | -2.6 | -5.5 | 5.4 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (296) | 132,051 (5.3) | 36.5 | 20.2 | 17.6 | -0.5 | 7.3 | 7.8 | 1.2 | 1.2 | -2.1 | -1.1 | 0.3 | 6.3 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 172,320 (7.0) | 46.5 | 12.4 | 13.5 | -4.5 | 15.0 | 14.7 | 1.8 | 1.7 | -3.1 | -2.4 | -0.3 | 5.9 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 18,314 | 11,063 (481) | 321,515 (13.0) | 38.9 | 14.9 | 9.0 | 67.9 | 9.3 | 16.3 | 1.2 | 1.1 | -2.6 | -4.4 | -3.8 | -0.9 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 40,224 (1.6) | 97.2 | - | - | 17.2 | - | - | - | - | 1.4 | 0.4 | 0.0 | 19.0 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 57,552 (2.3) | 4.6 | 14.9 | 13.8 | -51.0 | 11.8 | 12.2 | 1.8 | 1.7 | 0.0 | -0.4 | 3.3 | 7.7 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 17,727 | 9,854 (428) | 252,718 (10.2) | 39.9 | 18.2 | 12.4 | -11.9 | 6.4 | 7.8 | 1.2 | 1.1 | -1.9 | 1.7 | 3.6 | 16.3 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 140,336 (5.7) | 35.9 | 8.2 | 7.0 | 2.2 | 15.4 | 15.9 | 1.2 | 1.1 | -1.4 | -1.2 | 5.6 | 7.2 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 46,500 | 65,024 (2,826) | 603,616 (24.4) | 0.0 | 27.6 | 15.7 | 14.4 | 9.8 | 14.0 | 3.0 | 2.7 | 0.6 | -0.2 | 2.0 | 19.2 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 65,625 | 19,895 (865) | 174,616 (7.1) | 0.0 | 14.9 | 12.8 | 2.4 | 21.5 | 21.6 | 2.9 | 2.5 | -0.6 | -2.0 | 0.1 | 12.7 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 23,403 | 1,261 (055) | 20,379 (0.8) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | -5.0 | -8.6 | -9.5 | -20.7 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 16,348 | 2,227 (097) | 136,939 (5.5) | 30.3 | 80.1 | 32.5 | -75.2 | 31.8 | 31.2 | 10.7 | 8.3 | -0.7 | -5.1 | 2.1 | 38.3 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 55,967 (2.3) | 34.6 | 21.5 | 13.8 | 41.2 | 11.4 | 16.7 | 2.7 | 2.5 | -3.4 | -5.3 | 8.0 | 21.7 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 2,512 (0.1) | 45.4 | 15.2 | 14.7 | 10.7 | 20.3 | 20.5 | - | - | 0.3 | -0.9 | 6.0 | 11.0 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | #N/A (#N/A) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| IT | FPT | FPT CORP | 49,275 | 61,301 (2,664) | 347,677 (14.0) | 0.0 | 18.6 | 15.3 | 15.5 | 29.3 | 30.2 | 5.0 | 4.3 | -0.3 | -2.4 | 2.7 | 18.3 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anh1d@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.